

Số: /BNG-TCCB

Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2026

V/v triển khai thực hiện Nghị định quy định chi tiết một số điều về cơ chế, chính sách phát huy nguồn lực theo Nghị quyết số 250/2025/QH15 của Quốc hội

VĂN PHÒNG UBND TP HẢI PHÒNG

ĐẾN Số: 7452
Ngày: 14/07/2026

Kính gửi:

Chuyển:

Số và ký hiệu HS:

Bộ Ngoại giao trân trọng cảm ơn sự phối hợp, ủng hộ của các cơ quan, tổ chức ở Trung ương và địa phương trong quá trình xây dựng Nghị định quy định chi tiết các Điều 19, Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 24 của Nghị quyết số 250/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội khóa XV về một số cơ chế, chính sách đặc thù nhằm nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế (Nghị quyết số 250/2025/QH15).

ĐƠN VỊ	chức	TR	AGIA
CT Đ.T.Trung			
PCT TT L.A.Quân			
PCT V.T.Phụng			
PCT L.T.Kiên			
PCT N.M.Hùng			
PCT T.V.Quân			
PCT H.M.Cường			
Q.CVP N.H.Long			
PCVP T.V.Thiên			
PCVP N.T.Hùng			
PCVP P.A.Tuấn			
PCVP P.H.Hoàng			
PCVP T.N.Hùng			
P. NV&KT,GS			
P. NC			
P. NN&MT			
P. TC			
P. TH			
P. VX			
P. XD&CT			
Ban TCDTP			
P. HC-QT			
TTPVHCCTP			
TTHN&NKTP			
Cổng TTĐTTP			

Ngày 30/6/2026, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 258/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều về cơ chế, chính sách phát huy nguồn lực nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế theo Nghị quyết số 250/2025/QH15 của Quốc hội (Nghị định số 258/2026/NĐ-CP), có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành. Để bảo đảm việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị định số 258/2026/NĐ-CP đồng bộ, hiệu quả, Bộ Ngoại giao trân trọng đề nghị các cơ quan, tổ chức, địa phương lưu ý một số nội dung của Nghị định, cụ thể như sau:

1. Về cơ chế, chính sách đặc thù thu hút, sử dụng nhà khoa học, chuyên gia về hội nhập quốc tế trong công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế thuộc các lĩnh vực ưu tiên, trọng tâm, chiến lược quốc gia (Điều 9)

1.1. Nhóm đối tượng được xác định là chuyên gia hội nhập quốc tế được quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 250/2025/QH15 và khoản 3 Điều 9 Nghị định số 258/2026/NĐ-CP gồm: **(i)** Người Việt Nam không phải công chức, viên chức, sỹ quan thuộc lực lượng vũ trang hoặc người nước ngoài (các điểm a, b, d khoản 3 Điều 9); **(ii)** người là công chức, viên chức, sỹ quan thuộc lực lượng vũ trang đang công tác hoặc đã nghỉ hưu (các điểm c, đ khoản 3 Điều 9).

1.2. Quy trình và thẩm quyền công nhận nhà khoa học, chuyên gia về hội nhập quốc tế: thực hiện theo khoản 4 Điều 9 và điểm c khoản 3 Điều 13 Nghị định số 258/2026/NĐ-CP.

1.3. Chính sách đối với nhà khoa học, chuyên gia về hội nhập quốc tế là người Việt Nam: thực hiện theo khoản 5 Điều 9 Nghị định số 258/2026/NĐ-CP, trong đó, chế độ hỗ trợ hàng tháng bằng 300% mức lương theo hệ số lương hiện hưởng **chỉ áp dụng** đối với nhà khoa học, chuyên gia về hội nhập quốc tế trong độ tuổi lao động, có nguyện vọng công tác lâu dài và được tiếp nhận vào công chức,

¹ Danh sách kèm theo.

viên chức tại cơ quan, tổ chức trực tiếp, thường xuyên hoạt động trong lĩnh vực đối ngoại và hội nhập quốc tế.

1.4. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương: thực hiện theo khoản 7 Điều 9 và điểm d khoản 3 Điều 13 Nghị định số 258/2026/NĐ-CP.

2. Chế độ hỗ trợ đối với người làm công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế trực tiếp, thường xuyên trong nước (Điều 10)

2.1. Tiêu chí xác định người làm công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế trực tiếp, thường xuyên trong nước hưởng chế độ hỗ trợ

(i) Người thuộc các cơ quan, tổ chức có tên trong Phụ lục 1 Nghị quyết số 250/2025/QH15: thực hiện theo điểm a khoản 1 Điều 22 Nghị quyết số 250/2025/QH15 và khoản 2 Điều 10 Nghị định số 258/2026/NĐ-CP.

(ii) “Đối tượng khác” thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (điểm c khoản 1 Điều 22 Nghị quyết số 250/2025/QH15) gồm:

- Người đảm nhiệm vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ thuộc danh mục vị trí việc làm ngành, lĩnh vực ngoại giao, hợp tác quốc tế theo pháp luật hiện hành (Điểm a khoản 3 Điều 10 Nghị định số 258/2026/NĐ-CP).

Việc xác định danh mục vị trí việc làm do người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương quyết định theo quy định của pháp luật hiện hành về vị trí việc làm công chức, viên chức.

- Đối với sỹ quan, người làm công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế thuộc lực lượng vũ trang: Các cơ quan, đơn vị tham mưu thuộc Bộ Công An, Bộ Quốc phòng tổng hợp, trình Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định và quản lý danh sách sỹ quan, người làm công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế thuộc lực lượng vũ trang (Điểm b khoản 3 Điều 10 Nghị định số 258/2026/NĐ-CP).

(iii) Nghị định số 258/2026/NĐ-CP **không** hướng dẫn việc xác định “đối tượng khác” được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 22 Nghị quyết số 250/2025/QH15. Theo đó, “đối tượng khác” thuộc khối cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của Đảng quy định.

2.2. Việc triển khai thực hiện chế độ hỗ trợ hằng tháng phải bảo đảm đúng đối tượng, công khai, minh bạch, tránh lạm dụng, trục lợi chính sách, không gây lãng phí ngân sách nhà nước và tuân thủ các nguyên tắc khác được quy định tại Nghị quyết số 250/2025/QH15, sử dụng và phát huy hiệu quả các nguồn lực phục vụ đối ngoại, hội nhập quốc tế.

2.3. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương: thực hiện theo khoản 4 và khoản 7 Điều 10 Nghị định số 258/2026/NĐ-CP. Danh sách người làm công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế hưởng chế độ hỗ trợ hằng tháng được rà soát, điều chỉnh, cập nhật định kỳ hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu.

3. Chế độ hỗ trợ hằng tháng bằng 300% mức lương theo hệ số lương hiện hưởng (không bao gồm phụ cấp) đối với công chức, viên chức, sĩ quan thuộc lực lượng vũ trang sử dụng thành thạo ngoại ngữ hiếm (Điều 11)

3.1. Danh sách ngoại ngữ hiếm được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 258/2026/NĐ-CP và tiếp tục được cập nhật khi có sự điều chỉnh mức độ quan hệ ngoại giao của Việt Nam với các nước.

3.2. Điều kiện hưởng chế độ hỗ trợ hằng tháng đối với công chức, viên chức, sĩ quan thuộc lực lượng vũ trang thuộc các cơ quan, tổ chức trực tiếp, thường xuyên hoạt động trong lĩnh vực đối ngoại, hội nhập quốc tế: thực hiện theo khoản 2 Điều 11 Nghị định số 258/2026/NĐ-CP.

3.3. Quy trình xét duyệt, công nhận cán bộ thành thạo ngoại ngữ hiếm: thực hiện theo khoản 3 Điều 11 Nghị định số 258/2026/NĐ-CP.

3.4. Quyền lợi và trách nhiệm của cơ quan chủ quản và người sử dụng thành thạo ngoại ngữ hiếm: thực hiện theo khoản 4 Điều 11, điểm c và d khoản 3 Điều 13 Nghị định số 258/2026/NĐ-CP.

4. Về nguyên tắc áp dụng các chế độ hỗ trợ: thực hiện theo khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 250/2025/QH15.

5. Về thời điểm áp dụng các chế độ hỗ trợ (Điều 14 và Điều 15)

Các chế độ hỗ trợ hằng tháng đối với người làm công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế trực tiếp, thường xuyên, nhà khoa học, chuyên gia về hội nhập quốc tế, người sử dụng thành thạo ngoại ngữ hiếm theo quy định tại Nghị định này được áp dụng **từ ngày 01/01/2026**.

6. Đối với các chức danh, cơ chế đại diện nhà nước thực hiện thí điểm theo Nghị định này (quy định tại các Điều 7 và 8), gồm Đại sứ theo lĩnh vực, Đặc phái viên của Chủ tịch nước, Đặc phái viên của Thủ tướng Chính phủ và Đại sứ đặc mệnh toàn quyền lưu động, Bộ Ngoại giao sẽ chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế về tổ chức, hoạt động, nhiệm vụ, quyền hạn và các chế độ, chính sách liên quan của các chức danh, cơ chế này để thống nhất triển khai.

7. Đào tạo, bồi dưỡng về công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế (quy định tại Điều 6):

7.1. Bộ Ngoại giao sẽ chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Ngoại giao ban hành Chương trình đào tạo, bồi dưỡng về đối ngoại và hội nhập quốc tế cho cán bộ quản lý, công chức, viên chức ở các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế trực tiếp, thường xuyên hoặc tham gia ứng cử vào tổ chức quốc tế.

Học viện Ngoại giao thuộc Bộ Ngoại giao là đơn vị đầu mối được giao tổ chức, triển khai các lớp bồi dưỡng cơ bản và các lớp cập nhật kiến thức, kỹ năng

đổi ngoại cho người trực tiếp, thường xuyên làm công tác đổi ngoại, hội nhập quốc tế.

7.2. Trên cơ sở nhu cầu công tác và căn cứ Chương trình đào tạo, bồi dưỡng do Bộ trưởng Bộ Ngoại giao ban hành, các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng dành cho người làm công tác đổi ngoại, hội nhập quốc tế thuộc thẩm quyền quản lý; tổ chức các lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng về hội nhập quốc tế phù hợp với ngành, lĩnh vực quản lý.

8. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nghiên cứu nội dung Nghị định; phân công đầu mối tổng hợp kiến nghị, thắc mắc của cơ quan, đơn vị, địa phương mình về nội dung Nghị định số 258/2026/NĐ-CP (nếu có) và gửi về Bộ Ngoại giao **trước ngày 20/7/2026**. Bộ Ngoại giao sẽ phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp và trong trường hợp cần thiết, sẽ tổ chức Hội nghị trực tuyến để trao đổi, hướng dẫn triển khai Nghị định.

9. Đầu mối tiếp nhận thông tin:

9.1. Với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan, tổ chức ở Trung ương:

Vụ Tổ chức Cán bộ, Bộ Ngoại giao: 024.3799.2641 / 0369.220.797

Email: vutochuccanbo.bng@gmail.com

9.2. Với các địa phương:

Cục Ngoại vụ và Ngoại giao văn hóa, Bộ Ngoại giao: 0243.799.5230 / 0789.181.111

Email: dp.nvvh@gmail.com

Bộ Ngoại giao xin trân trọng trao đổi./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Lê Hoài Trung (để b/cáo);
- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Lưu: HC, TCCB, CNV&NGVH, HVNG, QTTV.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Anh Tuấn

BỘ NGOẠI GIAO

DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN GỬI CÔNG VĂN

(kèm theo Công văn số /BNG-TCCB ngày /7/2026 của Bộ Ngoại giao)

STT	Cơ quan, đơn vị
I	Các cơ quan của Đảng
1.	Ban Tổ chức Trung ương
2.	Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương
3.	Văn phòng Trung ương Đảng
4.	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
5.	Ban Chính sách, Chiến lược Trung ương
II	Các đơn vị sự nghiệp của Ban Chấp hành Trung ương Đảng
1.	Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam
2.	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam
3.	Đài Truyền hình Việt Nam
4.	Đài Tiếng nói Việt Nam
5.	Thông tấn xã Việt Nam
III	Các cơ quan thuộc Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước và các cơ quan khác
1.	Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại của Quốc hội
2.	Văn phòng Quốc hội
3.	Văn phòng Chủ tịch nước
4.	Tòa án nhân dân tối cao
5.	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao
6.	Kiểm toán Nhà nước
7.	Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
8.	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam
9.	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)
IV	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ
1.	Bộ Quốc phòng
2.	Bộ Công an
3.	Bộ Nội vụ
4.	Bộ Tư pháp
5.	Bộ Tài chính
6.	Bộ Công Thương
7.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
8.	Bộ Xây dựng
9.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
10.	Bộ Khoa học và Công nghệ
11.	Bộ Giáo dục và Đào tạo
12.	Bộ Y tế
13.	Bộ Dân tộc và Tôn giáo
14.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
15.	Thanh tra Chính phủ
16.	Văn phòng Chính phủ
V	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố